

Bản án số: 87/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

(V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Viết Côi; Bà Nguyễn Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà T1 Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Tr - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2025/QĐHPT-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh ngày 30/11/1985; Số CCCD: 001185016680, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 25/4/2021; HKTT: Đội 5, thôn Phù Lưu Hạ, xã Hoà Xá, TP. Hà Nội

* Bị đơn: Anh Đinh Xuân T1, sinh ngày 08/6/1983; Số CCCD: 001083006124, do Cục trưởng cục CSQLHCVTTXH cấp ngày 10/7/2021; HKTT: Đội 12, thôn VP, xã HS, TP. Hà Nội.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, chị Nguyễn Thị Kim T là nguyên đơn trình bày: chị và anh Đinh Xuân T1

(tên trong Giấy chứng nhận kết hôn là Đinh Văn T1) tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức (nay là xã HS), thành phố Hà Nội năm 2004. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân là do anh T1 thường xuyên đánh đập chị, anh T1 ham chơi, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Mọi việc trong gia đình đều do chị cáng đáng, gánh vác. Đến năm 2018 do không thể chịu đựng được nữa nên chị cùng các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy chị không còn tình cảm gì với anh T1 nữa, không muốn tiếp tục cuộc sống như này nên chị làm đơn xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: anh chị có 04 con chung: Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 05/8/2005; Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 11/10/2007; Đinh Thị Tr, sinh ngày 30/12/2009 và Đinh Đức Nh, sinh ngày 22/8/2012. Hai con chung Ng và Y đều đã khôn lớn, trưởng thành, khoẻ mạnh nên không có yêu cầu gì. Từ bé đến lớn các con chung đều do chị chăm sóc, dạy dỗ, từ khi vợ chồng chị sống ly thân đến nay các con cũng đều ở với chị, anh T1 cũng chưa một lần sang nhà ngoại thăm các con. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung Tr và Nh, chị yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị số tiền 4.000.000đồng/tháng/2 con, cụ thể vào ngày 05 hàng tháng và bắt đầu từ tháng mà bản án của toà án có hiệu lực pháp luật.

Hiện nay chị đang làm tạp vụ thuê ở nội thành Hà Nội, thu nhập bình quân của chị là 10.000.000đồng/tháng. Do là lao động tự do nên chị không có giấy tờ chứng minh thu nhập để nộp cho Toà án. Do từ ngày ly thân chị không liên hệ gì với anh T1, cũng không gặp nên không biết hiện anh T1 làm nghề gì. Trước thời điểm năm 2018 chị và anh T1 cùng ở nhà làm Tr trại nhưng bị thua lỗ, đến sau khi ly thân thì anh T1 đã nhượng lại Tr trại này cho người khác và cũng đi làm các việc tự do, cụ thể thì chị không biết.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Xuân T1: Không có ý kiến trình bày gì.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Nguyễn Thị Sáu là mẹ đẻ anh T1 trình bày: bà là mẹ đẻ anh Đinh Xuân T1. Về mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh T1 bà không can thiệp được, bà đã nói chuyện với chị T nhưng không khuyên nhủ được nên cũng chịu. Chị T cùng các con đã bỏ đi khỏi nhà bà mấy năm nay, sống ly thân với anh

T1. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1, quan điểm bà đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết. Chị T và anh T1 có 04 con chung hiện đang ở với chị T và ông bà ngoại.

Anh T1 – con trai bà, lao động tự do, đi làm tối mới về nhà, có hôm không về. Bà và anh T1 sống cùng nhà, chung sân. Bà nhận trách nhiệm giao lại các văn bản tố tụng của tòa án cho anh T1 ngay sau khi nhận được. Bà xin vắng mặt các buổi làm việc khác của tòa án, xin được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại biên bản xác minh tại UBND xã HS, Công an xã HS thể hiện: Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1985 là người ở đội 5, thôn Phù Lưu Hạ, xã Hoà Xá, Thành phố Hà Nội; tự nguyện kết hôn với anh Đinh Xuân T1, sinh năm 1983 tại UBND xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức (nay là xã HS) thành phố Hà Nội, ngày 07/4/2004; Sau khi kết hôn chị T chuyển về sinh sống tại nhà anh T1 ở đội 12, thôn VP, xã HS, thành phố Hà Nội. Về mâu thuẫn vợ chồng chị T anh T1 cụ thể như nào chính quyền địa phương không nắm được; chỉ biết chị T cùng các con đã không sống cùng anh T1 khoảng 6 năm nay, theo thông tin từ quần chúng nhân dân thì chị T cùng các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, chị T và anh T1 sống ly thân. Chị T và anh T1 có 04 con chung: Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 05/8/2005; Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 11/10/2007; Đinh Thị Tr, sinh ngày 30/12/2009 và Đinh Đức Nh, sinh ngày 22/8/2012. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh T1, quan điểm chính quyền địa phương: đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về nơi cư trú của anh T1: anh T1 có nơi đăng ký thường trú tại đội 5, thôn VP, xã HS, thành phố Hà Nội. Anh T1 sống cùng nhà với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Sáu. Anh T1 làm nghề lao động tự do, thỉnh thoảng về nhà và địa phương.

** Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, các đương sự được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định nhưng không hòa giải được vì lý do bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1; giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T cho đến khi có sự thay đổi mới hoặc có đề nghị khác; chị T nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Kim T làm đơn ly hôn và đã đóng dự phí ly hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình, anh Đinh Xuân T1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại: thôn VP, xã HS, TP. Hà Nội, do đó Tòa án nhân dân khu vực 12 - Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là đúng thẩm quyền.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T1 đến Tòa để hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do; chị T xin vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Xuân T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức (nay là xã HS) thành phố Hà Nội, ngày 07/4/2004 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh T1 thường xuyên đánh đập chị, anh T1 ham chơi, không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Mọi việc trong gia đình đều do chị cáng đáng, gánh vác. Đến năm 2018 do không thể chịu đựng được nữa nên chị cùng các con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị T cương quyết xin được ly hôn với anh T1; anh T1 không đến Tòa án làm việc trình bày quan điểm.

Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh T1 và chị T là căng thẳng, có thời gian sống ly thân dài, hôn nhân giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T1

là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh T1 và chị T có 04 con chung là Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 05/8/2005; Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 11/10/2007; Đinh Thị Tr, sinh ngày 30/12/2009 và Đinh Đức Nh, sinh ngày 22/8/2012. Hiện tại, con chung Đinh Thị Minh Ng và Đinh Thị Hải Y đều đã khôn lớn, trưởng thành và khỏe mạnh nên chị không có yêu cầu gì. Còn hai con chung Đinh Thị Tr và Đinh Đức Nh đang ở với chị T và ông bà ngoại. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung Tr và Nh; anh T1 không đến Tòa án trình bày quan điểm. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý, môi trường sống của con chung được ổn định, theo nguyện vọng của đương sự và thực tiễn cuộc sống, HĐXX giao con chung Tr và Nh cho chị Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; chị T yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 4.000.000đồng/tháng/2 con. Hội đồng xét xử nhận thấy tuy anh T1 không đến Tòa án trình bày, không biết anh T1 hiện đang làm gì, thu nhập hàng tháng là bao nhiêu, tuy nhiên qua xác minh ở UBND xã và mẹ đẻ anh T1 thì anh T1 không bị mất khả năng lao động, hiện đang làm nghề lao động tự do, việc cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con đối với người trực tiếp nuôi con, hiện nay con chung Tr đang học lớp 11, con chung Nh đang học lớp 8, do đó yêu cầu cấp dưỡng của chị T là hoàn toàn chính đáng và có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị T số tiền là 4.000.000đồng/tháng/02con (Bốn triệu đồng), bắt đầu từ tháng mà bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị T không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết; anh T1 không đến Tòa án trình bày quan điểm, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong bản án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị T phải nộp án phí; nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự (năm 2015) và căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình (năm 2014); khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự (năm 2015); Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim T được ly hôn anh Đinh Xuân T1 (tên trong Giấy chứng nhận kết hôn số 14, quyển số 01 ngày 07/4/2004 của UBND xã Vạn Kim, huyện Mỹ Đức (nay là xã HS), thành phố Hà Nội là Đinh Văn T1).

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Kim T và anh Đinh Xuân T1 có 4 con chung là: Đinh Thị Minh Ng, sinh ngày 05/8/2005; Đinh Thị Hải Y, sinh ngày 11/10/2007; Đinh Thị Tr, sinh ngày 30/12/2009 và Đinh Đức Nh, sinh ngày 22/8/2012. Hiện tại, con chung Đinh Thị Minh Ng và Đinh Thị Hải Y đều đã khôn lớn, trưởng thành và khỏe mạnh, chị T không có yêu cầu gì. Sau ly hôn, giao cả hai con chung Đinh Thị Tr và Đinh Đức Nh cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho chị T số tiền là 4.000.000đồng/tháng/02con (Bốn triệu đồng), bắt đầu từ tháng mà bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi có thay đổi mới hoặc có đề nghị khác.

Sau ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi d-ỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Kim T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010414 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Phòng T hành án dân sự khu vực 12 – Hà Nội. Chị Nguyễn Thị Kim T còn phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã (phường) nơi cư trú đối với người vắng mặt./.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 12 - Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THADS khu vực 12 - Hà Nội;
- UBND xã nơi đã ĐKKH;
- Các đơn vị sự;
- Lưu hồ sơ; v/v/p/.

Nguyễn Văn Tện

